

# THÀNH NGỮ

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được đặc điểm về cấu tạo và ý nghĩa của thành ngữ.
- Tăng thêm vốn thành ngữ, có ý thức sử dụng thành ngữ trong giao tiếp.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trong tiếng Việt có một khối lượng khá lớn thành ngữ. Thành ngữ là một loại tổ hợp từ (cụm từ) cố định. Nói như vậy có nghĩa là các từ trong thành ngữ khó thay đổi, thêm bớt, vị trí của các từ cũng không thay đổi. Thành ngữ là một vật liệu định hình, có sẵn trong kho tàng từ ngữ, dùng để cấu tạo câu. Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp trong sử dụng, người ta có thể thay đổi chút ít kết cấu của thành ngữ. Chẳng hạn, thành ngữ *châu chấu đá xe* có thể có những biến thể sau :

– *Dấu có thiêng liêng đành phận gái,  
Lẽ nào châu chấu đấu ông voi.*

(Nguyễn Công Trứ)

– *Lực lượng ta và địch so le nhiều như thế cho nên lúc đó có nhiều người cho rằng : cuộc kháng chiến của ta là châu chấu đấu voi.*

(Hồ Chí Minh)

Có những thành ngữ mà nghĩa của nó có thể dễ dàng suy ra trực tiếp từ nghĩa đen, nghĩa bề mặt của các từ tạo nên nó như : *bùn lầy nước đọng, mưa to gió lớn, mẹ goá con cô, năm châu bốn biển, ...* nhưng phần lớn thành ngữ mang ý nghĩa hàm ẩn (nghĩa bóng) như : *ruột để ngoài da, lòng lang dạ thú, đi guốc trong bụng, rạn sành ra mỡ, ...* Học thành ngữ quan trọng là để biết các ý nghĩa hàm ẩn, để nắm được mối quan hệ liên tưởng giữa nghĩa bề mặt và nghĩa hàm ẩn, giữa hình tượng cụ thể và nghĩa bóng bẩy. Chưa nắm được ý nghĩa hàm ẩn là chưa nắm được cái thần của thành ngữ !

2. Giá trị của thành ngữ là ngắn gọn, hàm súc và có tính hình tượng cao. Ngắn gọn, hàm súc thì kiệm lời mà nhiều ý, có tính hình tượng cao thì lời nói sinh động, gây ấn tượng mạnh mẽ, tăng thêm hiệu quả giao tiếp. Vì vậy, GV nên khuyến khích và giúp đỡ HS tăng thêm vốn thành ngữ, luyện tập sử dụng thành ngữ với nhiều hình thức, không chỉ ở giờ học Ngữ văn mà cả ở hoạt động ngoại khoá như thi sưu tầm thành ngữ, thi giải nghĩa thành ngữ, sinh hoạt kể chuyện thành ngữ, ...

3. Trong vốn thành ngữ tiếng Việt có một khối lượng không nhỏ các thành ngữ Hán Việt. Thành ngữ Hán Việt thường có bốn tiếng, được cấu tạo bằng các

từ Hán Việt theo quy tắc ngữ pháp của tiếng Hán. Ở trình độ lớp 7, HS cũng nên học một số thành ngữ Hán Việt thông dụng như : *bách chiến bách thắng, bán tín bán nghi, độc nhất vô nhị, khẩu Phật tâm xà, thâm căn cố đế, ...* Muốn hiểu nghĩa của thành ngữ Hán Việt cần phải tìm hiểu nghĩa của các yếu tố Hán Việt và nghĩa của các từ tạo nên thành ngữ Hán Việt đó, nhưng quan trọng nhất cũng vẫn là phải hiểu cho được ý nghĩa hàm ẩn của nó. Ví dụ :

– **khẩu Phật tâm xà** (*khẩu* : miệng ; *Phật* : ông Phật ; *tâm* : lòng ; *xà* : rắn) có nghĩa hàm ẩn là : miệng nói từ bi, thương người mà lòng thì nham hiểm, độc địa.

– **thâm căn cố đế** (*thâm* : sâu ; *căn* : rễ ; *cố* : vững chắc ; *đế* : cuống hoa) có nghĩa hàm ẩn là : ăn sâu, bền chắc, khó lòng thay đổi, cải tạo.

4. Có một số thành ngữ (kể cả thành ngữ Hán Việt) được hình thành trên những câu chuyện dân gian, câu chuyện lịch sử (điển tích) rất thú vị. Các thành ngữ *con Rồng cháu Tiên, ếch ngồi đáy giếng, thầy bói xem voi* có lai lịch từ các truyền thuyết, truyện ngụ ngôn mà HS đã được học ở lớp 6. GV có thể tìm được nhiều câu chuyện thú vị trong cuốn *Kể chuyện thành ngữ tục ngữ* để kể cho HS nghe, làm tăng thêm sức hấp dẫn của thành ngữ đối với HS.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

**Hoạt động 1.** Tìm hiểu đặc điểm cấu tạo của thành ngữ.

GV cho HS quan sát thành ngữ *lên thác xuống ghềnh*, gợi dẫn HS hiểu được đặc điểm của thành ngữ là có cấu tạo cố định.

Hoạt động này cũng có thể triển khai một cách khác, không cần dựa vào đoạn văn trích dẫn. Mở đầu, phát huy tính tích cực hoạt động của HS, GV để mấy phút cho HS nhớ lại một số thành ngữ mà các em đã học, đã biết, vì thực tế mỗi HS ít nhiều đều biết một số thành ngữ. Sau đó, cho một số em lần lượt nêu các thành ngữ tìm được. Tiếp đó, GV hướng dẫn HS tìm hiểu tính chất cố định về mặt cấu tạo của thành ngữ.

Khâu cuối của hoạt động này, GV có thể giảng cho HS biết, nói chung thành ngữ có cấu tạo cố định nhưng ở một số trường hợp thành ngữ có biến đổi chút ít (xem Những điều cần lưu ý ở trên).

**Hoạt động 2.** Tìm hiểu về nghĩa của thành ngữ.

GV có thể tiến hành hoạt động này theo các câu hỏi *a* và *b* ở mục I.2 – SGK. Cũng có thể làm một cách khác : Lập một bảng có hai cột, một cột gồm các thành ngữ có thể trực tiếp suy ra nghĩa từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó và một cột gồm các thành ngữ có nghĩa hàm ẩn để HS so sánh. Chẳng hạn :

Nhóm I

- *tham sống sợ chết*
- *bùn lầy nước đọng*
- *mưa to gió lớn*
- *mẹ goá con cô*
- *năm châu bốn biển*

Nhóm II

- *lên thác xuống ghềnh*
- *ruột để ngoài da*
- *lòng lang dạ thú*
- *rán sành ra mỡ*
- *khẩu Phật tâm xà*

Đặc biệt, đối với các thành ngữ ở nhóm II, GV hướng dẫn HS tìm hiểu mối quan hệ giữa hình tượng và nghĩa hàm ẩn (nghĩa bóng).

Sau hai hoạt động này, GV cho HS tổng kết lại đặc điểm về cấu tạo và ý nghĩa của thành ngữ.

**Hoạt động 3.** Tìm hiểu việc sử dụng thành ngữ.

GV cho HS phân tích vai trò ngữ pháp của thành ngữ trong hai ví dụ đã nêu. *Bảy nổi ba chìm* là vị ngữ ; *tắt lửa tối đèn* là phụ ngữ của danh từ *khi*.

Để HS thấy rõ giá trị của thành ngữ, GV cho HS thay thế mỗi thành ngữ đã nêu bằng một cụm từ đồng nghĩa rồi so sánh hai cách diễn đạt đó xem cách nào hay hơn. So sánh *bảy nổi ba chìm* với *long đong, phiêu dạt* ; *tắt lửa tối đèn* với *khó khăn, hoạn nạn*, HS sẽ thấy được giá trị của thành ngữ như đã nêu ở phần Ghi nhớ.

**Hoạt động 4.** Hướng dẫn HS làm bài tập (trang 145, SGK). Các bài tập 1, 2, 3 làm ở lớp, bài tập 4 làm ở nhà.

#### IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Về nghĩa của các thành ngữ trong các bài tập, GV có thể tham khảo ở *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt*. Đối với các thành ngữ Hán Việt, GV giúp HS hiểu nghĩa của các yếu tố. Các câu chuyện về *con Rồng cháu Tiên, ếch ngồi đáy giếng, thầy bói xem voi* đều có trong SGK *Ngữ văn 6*, HS đọc lại các truyện đó để có thể kể tóm tắt ở lớp hoặc ở tổ.

## V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*, Sđd.
2. Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.
3. Hoàng Văn Hành (Chủ biên), *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tập I, II, 1988 ; tập III, 1991.